

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đậu Đức Đông.
2. Ông Hồ Văn Hào.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 05/7/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 4 năm 1973, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm K, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T1 (chết) và bà Trương Thị D, sinh năm 1949; vợ: Trương Thị H, sinh năm 1970 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2024 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Trương Thị H, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Xóm K, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Xóm H, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 26/4/2024 Trương Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu KITAFU, màu trắng, biển kiểm soát (BKS) 37H2 – 002.89 đi đến khu vực đồi núi thuộc xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An tìm mua ma túy để sử dụng. Trương Văn T tìm gặp và hỏi mua của một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) 03 (ba) gói ni lông trong suốt, bên trong có chứa cục chất bột màu trắng, với

giá 600.000 đồng. Trương Văn T cất giấu số chất ma túy vừa mua được đi đến khu vực rừng núi của xã T, huyện Q lấy ra một ít để sử dụng, sau đó Trương Văn T đưa số chất ma túy còn lại về nhà tại xóm K, xã N, huyện Q. Tại nhà của mình, Trương Văn T đã đổ số chất ma túy trong 03 (ba) gói ni lông trong suốt vào một tờ giấy, rồi chia chất ma túy ra đựng trong 03 (ba) gói giấy gồm: 02 (hai) gói giấy màu trắng và 01 (một) gói giấy màu vàng trắng để sử dụng vào các lần sau.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27/4/2024, Trương Văn T mang theo 03 gói giấy có chứa chất ma túy được bỏ vào túi áo T đang mặc, điều khiển xe mô tô BKS 37H2 – 002.89 đi đến khu vực thị xã T để câu cá. Đến khoảng 9 giờ 20 phút cùng ngày, khi Trương Văn T đi trên đường D, thuộc địa phận xóm H, xã N, thị xã T thì bị tổ công tác Công an thị xã T tiến hành bắt quả tang, thu giữ trong túi áo ngực phía trước, bên trái của Trương Văn T 03 (ba) gói giấy (02 gói giấy màu trắng, 01 gói giấy màu vàng trắng), bên trong có chứa cục chất bột màu trắng (nghi Heroine). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 27/4/2024, của Cơ quan CSĐT Công an thị xã T xác định: 01 (một) cục chất bột màu trắng của gói thứ nhất có khối lượng là 0,27g (không phải hai mươi bảy gam) sau khi đã loại bỏ bao bì; 01 (một) cục chất bột màu trắng của gói thứ hai có khối lượng là 0,28g (không phải hai mươi tám gam) sau khi đã loại bỏ bao bì; 01 (một) cục chất bột màu trắng của gói thứ ba có khối lượng là 0,4g (không phải bốn gam) sau khi đã loại bỏ bao bì. Tổng khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của Trương Văn T trong 03 (ba) gói giấy có khối lượng là 0,95g (không phải chín mươi lăm gam) sau khi đã loại bỏ bao bì.

Tại Kết luận giám định số: 481/KL-KTHS(Đ2-MT) ngày 03/5/2024, của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: 03 (ba) mẫu các cục chất bột màu trắng (ký hiệu A1, A2, A3) thu giữ của Trương Văn T gửi tới giám định đều là ma túy; loại Heroine, có tên khoa học là D1.

Các cục chất bột màu trắng (03 gói) thu giữ của Trương Văn T có tổng khối lượng là 0,95g (không phải chín mươi lăm gam).

Tại bản Cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 19 tháng 6 năm 2024, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Trương Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 20 (hai mươi) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS:

Tuyên tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu KITAFU, màu trắng, BKS 37H2 - 002.89 đăng ký mang tên Trương Văn T do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01(một) phong bì thư hình chữ nhật bên trong có chứa vỏ giấy niêm phong, các vỏ giấy và các cục chất bột ma túy Heroine ký hiệu lần lượt là M1, M2, M3 có khối lượng lần lượt là 0,08g; 0,1g và 0,24g thu giữ của Trương Văn T (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 09 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2024, tại xóm H, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An cùng vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 27/4/2024 tại khu vực đường D, thuộc địa phận xóm H, xã N, thị xã T, tổ công tác Công an thị xã T phát hiện, bắt quả tang Trương Văn T có hành vi tàng trữ 03 (ba) gói ma túy (Heroine), có tổng khối lượng 0,95g (không phải chín mươi lăm gam) để sử dụng. Nền hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tác hại cho sức khỏe của con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân gây ra nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của mình là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy việc đưa vụ án ra xét xử công khai kịp thời là cần thiết, góp phần trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm về ma túy nên cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó

cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án: Gồm 01(một) phong bì thư hình chữ nhật bên trong có chứa vỏ giấy niêm phong, các vỏ giấy và các cục chất bột ma túy Heroine ký hiệu lần lượt là M1, M2, M3 có khối lượng lần lượt là 0,08g; 0,1g và 0,24g thu giữ của Trương Văn T (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định). Xét đây là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm c khoản 1 Điều 47 - BLHS.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu KITAFU, màu trắng, BKS 37H2 - 002.89 đăng ký mang tên bị cáo Trương Văn T, do bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị H trình bày chiếc xe mô tô này là tài sản chung của vợ chồng chị, bị cáo sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy thì chị không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô trên. Tuy nhiên xét chiếc xe mô tô này là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS. Nếu chị Trương Thị H có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc yêu cầu bồi thường một phần giá trị của tài sản chung mà bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[7] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Trương Văn T, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không đủ cơ sở để xử lý.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 20 (hai mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/4/2024.

Vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS:

Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu KITAFU, màu trắng, BKS 37H2 - 002.89 đăng ký mang tên Trương Văn T do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Nếu chị Trương Thị H có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc yêu cầu bồi thường một phần giá trị của tài sản chung mà bị

cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01(một) phong bì thư hình chữ nhật bên trong có chứa vỏ giấy niêm phong, các vỏ giấy và các cục chất bột ma túy Heroine ký hiệu lần lượt là M1, M2, M3 có khối lượng lần lượt là 0,08g; 0,1g và 0,24g thu giữ của Trương Văn T (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/6/2024, giữa Công an thị xã T và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên